TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 138/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 10-5-2024
"V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa*: Bà Ngô Thị Lắm.

- *Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Nguyễn Văn Trí;

2. Bà Phạm Xuân Đào.

***Thư ký phiên tòa*:** Ông Huỳnh Trọng Khiêm, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Kiều Tiên - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 108/2024/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2024 về việc "tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 193/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 185/2024/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Ngọc Mai T, sinh năm 2000; địa chỉ: số nhà 27, ấp Phú H, xã Bình H, huyện C, tỉnh An Giang; có mặt.

Bị đơn: Ông Nguyễn Ngọc T1, sinh năm 1993; địa chỉ: số nhà 480, ấp Nhơn L, xã Nhơn M, huyện C, tỉnh An Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện và lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Ngọc Mai T trình bày,* bà T và ông T1 do mai mối, quen biết, tìm hiểu nhau và kết hôn với nhau vào năm 2019, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện C, tỉnh An Giang. Trong thời gian chung sống, vợ chồng có sinh được 01 con chung tên Nguyễn Quốc T2, sinh ngày 17/7/2020. Hiện tại, cháu T2 đang được bà T chăm sóc, nuôi dưỡng. Tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến giữa năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên xảy ra cự cãi nhau, ông T1 thường xuyên nhậu nhẹt, không lo làm ăn, có hành vi đánh bà T. Bà T và ông T1 không còn sống chung với nhau từ giữa năm 2023 đến nay, không tới lui thăm nhau.

Nhận thấy tình cảm không còn nên bà T yêu cầu ly hôn với ông T1; yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Nguyễn Quốc T2, ông T1 không phải cấp dưỡng nuôi dạy con chung; không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện bao gồm: Tờ tự khai của bà Lê Ngọc Mai T; Giấy khai sinh số 251, ngày 10/8/2020 do Ủy ban nhân dân xã Bình H, huyện C cấp đối với Nguyễn Quốc T2 (bản sao); Giấy chứng nhận kết hôn số 270, ngày 26/12/2019 do Ủy ban nhân dân xã N, huyện C cấp đối với bà Lê Ngọc Mai T và ông Nguyễn Ngọc T1 (bản chính).

- Bị đơn ông Nguyễn Ngọc T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn bà Lê Ngọc Mai T vẫn giữ nguyên ý kiến trình bày như trong quá trình tố tụng và không còn tài liệu, chứng cứ nào khác để cung cấp thêm.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 234 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lê Ngọc Mai T đối với ông Nguyễn Ngọc T1, bà T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Quốc T2, ông T1 không phải cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Bà Lê Ngọc Mai T khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Ngọc T1, ông T1 cư trú trên địa bàn huyện C. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Nguyễn Ngọc T1 đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T1 theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân:

Bà Lê Ngọc Mai T khai, bà T và ông T1 do quen biết, tìm hiểu nhau và kết hôn với nhau vào năm 2019, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện C nên quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông T1 là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Bà T xác định, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến giữa năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên xảy ra cãi vã nhau, ông T1 thường xuyên nhậu nhẹt, không lo làm ăn, có hành vi đánh bà T. Bà T và ông T1 không còn sống chung với nhau từ giữa năm 2023 đến nay, không tới lui thăm nhau.

Xét thấy, xuất phát từ mâu thuẫn trong thời gian chung sống, bà T và ông T1 bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên xảy ra cãi vã nhau và không còn sống chung từ giữa năm 2023 đến nay, không tới lui thăm nhau. Bên cạnh đó, Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án cho ông T1 nhưng ông T1 không có ý kiến phản đối yêu cầu ly hôn của bà T. Cho nên, có căn cứ xác định mâu thuẫn giữa bà T và ông T1 là trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T đối với ông T1 theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Bà T xác định trong thời gian chung sống, vợ chồng có sinh 01 con chung tên Nguyễn Quốc T2, sinh ngày 17/7/2020. Bà T yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

Xét thấy, cháu T2 đang được bà T chăm sóc, nuôi dưỡng, phát triển tốt về thể chất, tinh thần. Do đó, để đảm bảo ổn định cuộc sống cho con chung, giúp con chung phát triển tốt về thể chất, tinh thần, Hội đồng xét xử giao cháu T2 cho bà T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng theo Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, bà T không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên không đề cập giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên không đề cập giải quyết.

[2.4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Ông T1 không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 144, 147, 227, 228 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Ngọc Mai T.

1. Về hôn nhân: Bà Lê Ngọc Mai T được ly hôn với ông Nguyễn Ngọc T1.

Giấy chứng nhận kết hôn số 270, ngày 26/12/2019 do Ủy ban nhân dân xã N, huyện C cấp đối với ông Nguyễn Ngọc T1 và bà Lê Ngọc Mai T không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung:

Bà Lê Ngọc Mai T được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Quốc T2, sinh ngày 17/7/2020. Ông T1 không phải cấp dưỡng nuôi dạy con chung.

Bà Lê Ngọc Mai T cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Nguyễn Ngọc T1 trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. Về án phí sơ thẩm:

Bà Lê Ngọc Mai T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm *300.000 (ba trăm nghìn) đồng* nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí *300.000 (ba trăm nghìn) đồng* đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 00150086 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh An Giang cấp ngày 23 tháng 02 năm 2024; bà Lê Ngọc Mai T đã nộp đủ án phí.

Ông Nguyễn Ngọc T1 không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

4. Bà Lê Ngọc Mai T được quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng thời hạn kháng cáo của ông Nguyễn Ngọc T1 là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện C (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS huyện C (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Thị Lắm